

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 14/2006/QĐ-TTg

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt 10 chuẩn đo lường quốc gia****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường;

Căn cứ Quyết định số 165/2004/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia giai đoạn 2004 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phê duyệt 10 chuẩn đo lường quốc gia****1. 04 đại lượng cơ bản:**

a) Độ dài:

- Tên chuẩn đo lường: Nguồn bước sóng chuẩn Laser He - Ne 633 nm ổn định tần số bằng I-ốt.

Số hiệu: 206. Ký, mã hiệu: WINTER Model 100.

b) Khối lượng:

- Tên chuẩn đo lường: Quả cân chuẩn 1kg.

Số hiệu: VIE 982100/2. Ký, mã hiệu: VIE 982100/2.

c) Thời gian - Tần số:

- Tên chuẩn đo lường: Đồng hồ nguyên tử Cesium.

Số hiệu: 3608A01233. Ký, mã hiệu: HP5071A.

d) Nhiệt độ:

Tên chuẩn đo lường: Tổ hợp chuẩn quốc gia về nhiệt độ, gồm:

- Các điểm chuẩn nhiệt độ:

+ Điểm ba của nước tinh khiết.

Số hiệu: 9-1153; 9-1154; 9-1155. Ký, mã hiệu: TPW-5901.

+ Điểm ba của thủy ngân tinh khiết.

Số hiệu: Hg-00008. Ký, mã hiệu: 5900A.

+ Điểm nóng chảy của Gali tinh khiết.

Số hiệu: Ga-43036. Ký, mã hiệu: 5943.

+ Điểm đông đặc của thiếc tinh khiết.

Số hiệu: Sn-05025; Sn-05045. Ký, mã hiệu: 5905.

+ Điểm đông đặc của kẽm tinh khiết.

Số hiệu: Zn-06029, Zn-06046. Ký, mã hiệu: 5906.

- Hệ thống cầu đo chính xác cao:

+ Cầu đo tỷ số điện trở.

Số hiệu: 005844103. Ký, mã hiệu: F900/AS2-J-D-AVS AC.

+ Điện trở chuẩn AC/DC.

Số hiệu: 280369 (25 Ω); 6419/04 (100 Ω). Ký, mã hiệu: 5685A.

+ Nhiệt kế điện trở chuẩn Platin.

Số hiệu: SPRT-1355; SPRT-1357. Ký, mã hiệu: 5681.

2. 06 đại lượng dẫn xuất

a) Áp suất: Gồm hai chuẩn đo lường:

- Tên chuẩn đo lường thứ nhất: Áp kế piston khí.

Số hiệu: 58784. Ký, mã hiệu: RUSKA Model 2465A-754.

- Tên chuẩn đo lường thứ hai: Áp kế piston.

Số hiệu: 49915. Ký, mã hiệu: RUSKA Model 2485-930D.

b) Độ cứng:

- Tên chuẩn đo lường: Máy chuẩn độ cứng HNG-250 thang đo HRC.

Số hiệu: 030-78. Ký, mã hiệu: HNG-250.

c) Dung tích:

- Tên chuẩn đo lường: Hệ thống Chuẩn đo lường quốc gia về Dung tích.

Số hiệu: V05.01. Ký, mã hiệu: CQG-DT.

d) Lưu tốc thể tích chất lỏng:

- Tên chuẩn đo lường: Hệ thống Chuẩn đo lường quốc gia về Lưu tốc thể tích chất lỏng.

Số hiệu: V05.02. Ký, mã hiệu: CQG-LTTTCL.

đ) Công suất điện tần số công nghiệp: Gồm hai chuẩn đo lường:

- Tên chuẩn đo lường thứ nhất: Bộ chuyển đổi công suất 1 pha.

Số hiệu: 23028. Ký, mã hiệu: C1-2.

- Tên chuẩn đo lường thứ hai: Cầu so Công suất - Điện năng 3 pha.

Số hiệu: 20783. Ký, mã hiệu: KOM 200.3.

e) Năng lượng điện tần số công nghiệp: Gồm hai chuẩn đo lường:

- Tên chuẩn đo lường thứ nhất: Bộ chuyển đổi công suất 1 pha.

Số hiệu: 23028. Ký, mã hiệu: C1-2.

- Tên chuẩn đo lường thứ hai: Cầu so Công suất - Điện năng 3 pha.

Số hiệu: 20783. Ký, mã hiệu: KOM 200.3.

Điều 2. Trách nhiệm duy trì, bảo quản và khai thác chuẩn đo lường quốc gia

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm duy trì, bảo quản và khai thác chuẩn đo lường quốc gia nhằm bảo đảm tính thống nhất, liên kết và chính xác của chuẩn.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Khiêm